

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON KIM SƠN

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON
NĂM HỌC 2024 - 2025

Lớp mẫu giáo: 5-6 tuổi B

Họ và tên giáo viên: Trần Thanh Huyền – Bùi Thị Huệ

Số lượng trẻ: 28 trẻ

Đơn vị công tác: Trường Mầm non Kim Sơn

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC

NĂM HỌC 2024 - 2025

LỚP MG 5 – 6 TUỔI B

Số lượng trẻ trong nhóm/lớp: 28 trẻ

Số giáo viên/nhóm lớp, tên giáo viên: 2 (Trần Thanh Huyền – Bùi Thị Huệ)

Căn cứ số 235/KH-MNKS “Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 ngày 20 tháng 8 năm 2024 trường Mầm non Kim Sơn

Căn cứ tình hình thực tế của lớp và địa bàn xã Kim Sơn, Lớp MG 5 Tuổi B xây dựng Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:

I. Mục tiêu, nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng:

Mục tiêu cụ thể (Kết quả mong đợi)	Nội dung
Tổ chức ăn, uống MT1: Trẻ được ăn theo Chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi tại trường. Đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định (Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 – 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal) Trẻ được uống đủ nước phù hợp với độ tuổi (khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).	- Ăn đủ bữa ăn (bữa chính và một bữa phụ) - Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. - Bữa phụ cung cấp khoảng 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa - Nước uống thường xuyên trong ngày (nước chín) - Nước uống trong thức ăn - Không định kiến thức ăn dành cho trẻ
Tổ chức ngủ	

MT2: Trẻ được ngủ theo nhu cầu của độ tuổi (ngủ trưa đúng, đủ giờ (150 phút)	- Ngủ trưa đúng giờ, ngủ đủ giấc, ngủ an toàn. - Ngủ trưa đúng giờ, ngủ đủ giấc, ngủ an toàn. - Trẻ thực hành thói quen an toàn cá nhân
Vệ sinh	
MT3: Trẻ được vệ sinh cá nhân sạch sẽ, thường xuyên Môi trường chăm sóc, giáo dục trẻ thường xuyên được đảm bảo vệ sinh	- Rửa tay (trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động... Rửa mặt khi trẻ ngủ dậy, khi có nhu cầu - Trẻ đi vệ sinh theo nhu cầu, đúng nơi quy định. - Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. - Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải ngày/lần - Trẻ nhận ra thói quen tốt trong vệ sinh, dinh dưỡng và vận động
Chăm sóc sức khỏe và an toàn	
MT4: Trẻ được khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. phòng chống SDD và béo phì.	- Khám sức khỏe định kỳ 02 lần/ năm (tháng 09 và 03). - Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi 03 lần/ năm (tháng 9, tháng 12 và tháng 3). Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì
MT5: Trẻ được phòng tránh các bệnh thường gặp. Tiêm chủng theo quy định. Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp	- Phòng tránh các bệnh thường gặp (... các bệnh theo mùa, ...) - Theo dõi tiêm chủng theo chương trình của Y tế, uống các loại vi ta mim - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

	- Trẻ được chăm sóc an toàn cả về thể chất và tinh thần
--	---

II. Mục tiêu, nội dung giáo dục:

Mục tiêu giáo dục năm học (Kết quả mong đợi)	Nội dung giáo dục năm học
1. Lĩnh vực phát triển thể chất	
MT06: Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: + Cân nặng: . Trẻ trai: 15,9 – 27,1 kg . Trẻ gái: 15,3 – 27,8 kg + Chiều cao: . Trẻ trai: 106,1 – 125,8 cm . Trẻ gái: 104,9 – 125,4 cm	- Trẻ phải được khám sức khỏe định kỳ 1 năm 2 lần. Theo dõi cân đo sức khỏe: Cân và đo chiều cao 3 tháng 1 lần. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ phát triển.
Phát triển vận động- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
MT07: Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp. Thực hiện được các vận động: uốn ngón tay, bẻ tay; xoay cổ tay; gấp mở lần lượt từng ngón tay.	- Các động tác phát triển hô hấp: + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật. - Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai: + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiểm soát chân. + Đưa tay ra phía trước, sau. + Đưa tay ra trước, sang ngang. + Đánh xoay tròn 2 cánh tay. + Đánh chéo 2 tay ra 2 phía trước, sau. + Luân phiên từng tay đưa lên cao. + Uốn ngón tay, bẻ tay; xoay cổ tay; gấp mở lần lượt từng

	ngón tay	- Các động tác phát triển cơ bụng, lưng: + Ngửa người ra sau kết hợp tay gơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái + Đứng, cúi về trước. + Đứng quay người sang 2 bên. + Nghiêng người sang 2 bên. + Cúi về trước ngửa ra sau. + Quay người sang 2 bên. - Các động tác phát triển cơ chân: + Khụy gối. + Bật đưa chân sang ngang. + Đưa chân ra các phía. + Nâng cao chân gập gối. + Bật về các phía.
- Các kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động		
MT08: Trẻ biết thực hiện phối hợp các kỹ năng trong vận động Bật		- Bật nhảy bằng cả 2 chân, ; Bật liên tục vào vòng ; Bật tách khớp chân qua 7 ô ; Bật qua vật cản cao 15-20cm;
MT 09: Trẻ biết: Bật xa tối thiểu 50cm.(CS1)		-Bật xa 40- 50cm
MT10: Trẻ có thể nhảy xuống từ độ cao 40 cm.(CS2)		- Bật - nhảy từ trên cao xuống (40- 45cm) ; Bật sâu 40 cm
MT 11: Trẻ biết ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m.(CS3)		- Ném và bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 4m)
MT 12: Trẻ thực hiện được động tác: Trèo, lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất.(CS4)		- Trèo lên xuống 7 giống thang; Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất.
MT 13: Trẻ biết khéo léo phối hợp tay, chân, toàn thân trong vận động trườn.		- Trườn sấp ; trườn theo khả năng

MT14: Trẻ có thể: Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.(CS9)	- Nhảy lò cò 5m; Nhảy lò cò 5 - 7 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu
MT 15: Trẻ biết: Đập và bắt bóng bằng 2 tay.(CS10)	- Đập và bắt bóng bằng 2 tay; Đi và đập bắt bóng bằng 2 tay.
MT 16: Trẻ có thể giữ được thăng bằng trong vận động đi	- Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m); Đi trên dây (dây đặt trên sàn); Đi nói bàn chân tiến, lùi; Đi bằng mép ngoài bàn chân; Đi khuỵu gối
MT 17: Trẻ có thể: Chạy 18m trong khoảng thời gian 5 -7 s.(CS12)	- Chạy 18m trong khoảng thời gian 10 giây. - Chạy chậm khoảng 100-120 m
MT 18: Trẻ có thể: Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian.(CS13)	- Chạy chậm 150 m; Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian..
MT 19: Trẻ có thể: Tham gia các hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30s (CS14)	- Tham gia các hoạt động học tập nhiệt tình, , hướng ứng tích cực, vận động thoải mái, tập chung chú ý vào sự hướng dẫn của giáo viên không có dấu hiệu mệt mỏi trong khoảng 30 phút. - Lòng ghép chuyên đề xây dựng trường mầm non hạnh phúc: Đảm bảo tất cả trẻ đều được tạo cơ hội học tập qua chơi và bằng nhiều cách khác nhau phù hợp với nhu cầu, hứng thú và khả năng bản thân trẻ (thông qua các hoạt động giao lưu văn nghệ, thể dục thể thao, trò chơi dân gian giữa các lớp, tổ, nhóm, các hoạt động giáo dục kỹ năng sống).
MT 20: Trẻ biết bò qua 5,7 điểm đích dắc cách nhau 1,5 m đúng yêu cầu.	- Bò dích dắc qua 7 điểm; Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5 m - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6 m
MT 21: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục - Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.	- Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục - Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.

MT 22: Trẻ có thể Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh(Đổi hướng ít nhất 3 lần)	- Đi thay đổi hướng theo hiệu lệnh; Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng tốc độ, hướng đích đặc theo hiệu lệnh
MT23: Trẻ biết phối hợp tay – mắt trong vận động Ném.	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay; Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay
MT 24: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động tung, chuyền	- Tung bóng lên cao và bắt - Tung, đập bóng tại chỗ ; - Chuyền, bắt bóng qua đầu và chân
MT25: Trẻ có thể phối hợp thực hiện 2 vận động cơ bản trở lên Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	- Bài tập vận động tổng hợp - Thực hiện hai vận động cơ bản liên tục(không cùng dạng) theo khả năng, theo yêu cầu: + Tung bóng lên cao và bắt; Chạy 18m trong khoảng thời gian 5 - 7 giây. + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm; Ném xa bằng 2 tay. + Bò theo đường đích đặc qua 7 điểm; Ném trúng đích thẳng đứng”. + Bật tách, khép chân qua 7 ô; Ném xa bằng 1 tay. + Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m); Ném trúng đích nằm ngang”
- Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt	
MT 26: Trẻ biết tô màu kín, không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ (CS6)	- Tô màu không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ - Tô đồ theo nét
MT 27: Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản.(CS7)	- Xé, Cắt rời được hình không bị rách - Đường cắt luôn sát theo đường viền của nét vẽ
MT 28: Dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhẵn.(CS8)	- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - Phết hồ đều, dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị

	nhân. - Sản phẩm không bị rách.
Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe	
Một số món ăn thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe	
MT29: Trẻ kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng, đủ chất; - Kể tên các món ăn phù hợp với từng mùa. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì,...), biết các thức ăn không có lợi cho sức khỏe.
Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	
MT 30: Trẻ biết tự mặc và cởi được áo. (CS5)	- Tự mặc quần áo đúng cách. - Cởi, cởi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), xâu, luồn, buộc dây giày, cài quai dép. - Mặc các loại áo chui đầu, đóng cúc áo sao cho hai vạt áo bằng nhau.
MT 31: Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, và sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. (CS15)	- Tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn đúng các thao tác quy định ở mọi lúc mọi nơi (Trên lớp, tại gia đình và nơi công cộng)
MT 32: Trẻ biết tự rửa mặt, chải răng hàng ngày. (CS16)	- Luyện, thực hành kỹ năng đánh răng, Kỹ năng rửa mặt, lau mặt,
MT 33: Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng. (CS18)	- Tự chải đầu, giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch sẽ, không bôi bẩn vào quần áo.
MT 34: Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành	- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Các loại cử động của bàn tay, ngón tay và cổ tay

thảo	
MT 35: Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong giặt, giặt nước cho sạch	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
Có một số hành vi thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
MT 36: Biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp	- Nhận biết một số hành động văn minh, lịch sự biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp
MT 37: Biết và không ăn, uống một số thức ăn có hại cho cơ thể.(CS20)	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật. (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Kể tên một số đồ ăn, đồ uống không tốt cho sức khỏe - Trẻ có hành vi văn hóa, vệ sinh trong ăn uống. Trẻ học cách ăn uống lành mạnh và quy tắc, hành vi lịch sự khi ăn uống
MT 38: Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh, một số dịch bệnh thường gặp.	- Luyện tập một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm (Covid- 19, Cúm A, B, đau mắt đỏ, sốt xuất huyết, bệnh tay chân miệng,...), nguyên nhân và cách phòng tránh.
- Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	
MT 39: Trẻ không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm.(CS23)	- Nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm như ao, hồ, sông, suối, ổ điện, khu vực bếp ga.... những nơi không an toàn, phân biệt được nơi bẩn, sạch và mất vệ sinh như khu rác thải... chơi ở nơi sạch và an toàn.
MT 40: Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.(CS21)	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm như sử dụng những vật sắc nhọn đánh nhau, cào, cắn bạn.... , những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như dao, kéo; những mảnh cốc thủy tinh , mảnh gương bị vỡ....

MT41:Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm.(CS22)	- Các hành vi, quy tắc bảo đảm an toàn cho bản thân và người khác. - Nhận ra một số việc làm có thể gây nguy hiểm đối với bản thân và người xung quanh. - Biết một số việc làm có thể gây nguy hiểm như đánh nhau, tắm sông, hồ, cắm ổ điện, sờ vào đường dây điện, chơi gần khu vực bếp ga, nghịch dao, kéo... và không làm những việc gây nguy hiểm đó. - Trẻ học cách chơi an toàn, các trò chơi lành mạnh.
MT42:Trẻ không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.(CS24)	- Biết tránh một số trường hợp không an toàn + Khi người lạ bế ẵm, cho bánh kẹo, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn cô giáo. - Biết tránh một số trường hợp không an toàn + Khi người lạ bế ẵm, cho bánh kẹo, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn cô giáo.) + Khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
MT43: Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.(CS25)	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp như cháy nổ, tai nạn...và gọi người đến giúp đỡ. Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. Hoặc trường hợp khẩn cấp, nguy hiểm như có bạn rơi xuống nước, ngã chảy máu,...biết gọi người lớn giúp đỡ. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính

		mạng.
MT44: Trẻ biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.(CS26)		- Tác hại thông thường của hút thuốc lá hoặc ngửi phải khói thuốc lá.
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức		
Khám phá khoa học		
- Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng		
MT 45: Trẻ thể hiện một số hiểu biết về các giác quan và một số bộ phận cơ thể con người.		- Tìm hiểu tên gọi, chức năng, công dụng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể . - <i>Trẻ biết tên các bộ phận cơ thể bằng tiếng anh</i> - <i>Tìm hiểu về các bộ phận trên cơ thể, biết được đâu là chỗ/ khu vực(vùng riêng tư) mà không ai được phép xâm phạm.</i>
MT46: Trẻ biết phân loại một số đồ dùng thông thường theo chất liệu công dụng(CS96)		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - Phân loại đồ dùng, đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu.
MT47: Trẻ nhận biết được một số phương tiện giao thông		- Khám phá, tìm hiểu về: tên gọi, đặc điểm, công dụng, nơi hoạt động, cách sử dụng của một số phương tiện giao. - So sánh, phân loại các phương tiện giao thông theo 2 - 3 dấu hiệu. - Tên gọi, ý nghĩa của biển báo giao thông quen thuộc. - Một số qui định khi tham gia giao thông.
MT 48: Trẻ biết đặc điểm, tính chất của nước, tác dụng của nước với đời sống con người, con vật và cây.		- Các nguồn nước trong môi trường sống - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây - Một số đặc điểm tính chất của nước - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước
MT49 : Trẻ biết đặc điểm của không khí ,ánh sáng và tác		- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với

dụng của nó	cuộc sống con người, con vật và cây.
MT 50 :Trẻ biết đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
MT 51:Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung.(CS92)	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả, rau. - Gọi tên các con vật/ cây gần gũi xung quanh. Tìm được đặc điểm chung, ích lợi của 3 hoặc 4 con vật/ cây/ hoa quả. - Đặt tên cho nhóm những con/ cây/ hoa quả... bằng những từ khái quát. - So sánh sự khác và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả, rau
- Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	
MT 52:Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây cối và con vật và một số hiện tượng tự nhiên.(CS 93)	- Gọi tên cho từng giai đoạn phát triển của cây/ con vật/ hoa quả thể hiện trên tranh. - Nhận ra sự sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển. - So sánh sự giống và khác nhau theo 2 – 3 dấu hiệu của cây/ con vật/ hoa quả. - Phân loại cây, hoa quả, con vật theo 2 – 3 dấu hiệu. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây, hoa quả và các hiện tượng tự nhiên với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.
MT 53:Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ đang sống.(CS94)	- Gọi tên và nêu đặc điểm đặc trưng của các mùa trong năm. - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa, thứ tự các mùa. - So sánh được sự giống và khác nhau giữa các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.
- Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
- Biết lựa chọn trang phục theo mùa cho phù hợp	

MT 54: Trẻ có thể dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.(CS95)	- Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra và giải thích được dự đoán của mình. (Mưa, nắng, gió, bão, lũ lụt, hạn hán...) - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa - Sự khác nhau giữa ngày và đêm ; mặt trời, mặt trăng . - Áp dụng phương pháp Reggio Emilia cho trẻ Quan sát, thảo luận, dự đoán một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra - Nêu được một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra và giải thích được dự đoán của mình. (Mưa, nắng, gió, bão, lũ lụt, hạn hán...) - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.
MT 55: Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân – kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.(CS114)	- Trẻ giải thích được câu hỏi bằng mẫu câu: "Tại vì.....nên..." - Trẻ được nguyên nhân dẫn đến sự việc.
MT 56: Trẻ hay đặt câu hỏi. (CS112)	- Tò mò tìm tòi, khám phá các SVHT xung quanh như đặt câu hỏi về SVHT ‘ Tại sao có mưa’
MT 57: Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình	- Các trò chơi đóng vai theo chủ đề, bắt chước mô phỏng động tác của các con vật - Hát vận động các bài hát về cây, con vật - Vẽ, xé, nặn các con vật
Khám phá xã hội	
- Nhận biết bản thân gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
MT 58: Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi trò chuyện	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình - <i>Khám phá sự giống và khác nhau giữa trẻ bạn trai, bạn gái về đặc điểm, hình dáng bên ngoài, sở thích, tính cách</i>

MT 59: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ ; Sở thích của các thành viên trong gia đình ; quy mô gia đình (Gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu gia đình, địa chỉ gia đình - <i>Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản bằng tiếng anh</i>
MT 60: Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn, xóm) số điện thoại(nếu có)... khi được hỏi trò chuyện	- Địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn, xóm) số điện thoại..
MT 61: Trẻ nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của các bạn trong lớp; các hoạt động của trẻ ở trường. - Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp; Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện - <i>Tìm hiểu và nhận thức được cơ thể mỗi người đều cần được tôn trọng</i>
MT 62: Trẻ thích khám phá các sự vật và hiện tượng xung quanh.(CS113)	- Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới, thể hiện ý thích khám phá của riêng mình như : thích búp bê, ô tô...)
MT 63: Trẻ có thể thực hiện công việc theo cách riêng của mình (CS118)	- Không bắt chước và có những khác biệt trong khi thực hiện nhiệm vụ - Tạo ra những sản phẩm không giống bạn - Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau
Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
MT 64: Trẻ có thể kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.(CS98)	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm của nghề, các hoạt động và ý nghĩa các nghề phổ biến
MT 65: Trẻ có những hiểu biết về Nghề truyền thống ở địa phương.	- Tên gọi, đặc điểm, ích lợi, sản phẩm của 1 số nghề truyền thống ở địa phương.

Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh	
MT 66: Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về các hoạt động nổi bật của lễ hội.	- Đặc điểm nổi bật của ngày lễ, hội của quê hương, đất nước.
MT 67: Trẻ có thể kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. (CS 97)	- Trẻ kể được những đặc điểm nổi bật và trả lời được câu hỏi của người lớn về những di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh địa điểm công cộng đó. - Trẻ tìm hiểu tên gọi, mục đích, quá trình hình thành của một số di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh ở địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. - Trẻ biết được những ngày lễ hội, sự kiện văn hóa đặc trưng của quê hương đất nước như (Lễ hội truyền thống của địa phương) - Biết một số hoạt động diễn ra trong lễ hội: Rước kiệu, các trò chơi dân gian như: Cờ tướng, cờ người, kéo co, chơi đu. - Có tình cảm yêu mến quê hương. Bảo vệ giữ gìn môi trường, quang cảnh, văn hóa, các điểm công cộng.
MT 68: Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước
Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
- Tập hợp số lượng, số thứ tự và đếm	
MT 69: Trẻ có thể nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10. (CS104). Trẻ biết so sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất	- Đếm trong phạm vi 10, đếm theo khả năng. - Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. <i>Tô thứ tự các chữ số theo ý thích từ 1 – 10.</i> - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống

	hàng ngày (số nhà, số điện thoại, biển số xe, ..) - So sánh số lượng của các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - Trẻ biết so sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất - <i>Phát âm một số chữ cái và số đếm từ 1-10 bằng tiếng anh</i>
MT 70: Trẻ biết gộp, tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.(CS105)	- Tách/gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm - Tách /gộp 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm
MT 71: Trẻ biết loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.(CS115)	- Phát hiện được đối tượng không cùng nhóm với những đối tượng còn lại và loại được chúng ra khỏi nhóm.
So sánh sắp xếp theo quy tắc	
MT 72: Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc.(CS116)	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp.
- So sánh hai đối tượng	
MT 73: Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo. (CS106)	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo
MT 74 : Trẻ biết sử dụng một số dụng cụ để đo, đóng và so sánh, nói kết quả	- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo
- Nhận biết hình dạng	
MT 75: Trẻ chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối trụ, khối chữ nhật theo yêu cầu.(CS107)	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo

	ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau.	
- Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
MT 76: Trẻ có thể xác định vị trí (trong, ngoài, trên dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.(CS 108)		- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau ; phía trên- phía dưới ; phía phải- phía trái.) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
MT 77: Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự.(CS109)		- Gọi tên các thứ trong tuần - Nói được tên các ngày đi học và ngày nghỉ trong một tuần.
MT 78: Trẻ phân biệt được ngày hôm qua, ngày mai qua sự kiện hàng ngày. (CS110)		- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày trẻ được đến lớp, đi chơi, du lịch.... - Công việc của ngày hôm qua, hôm nay và dự định ngày mai.
MT 79: Trẻ nói được ngày trên lốc lịch và giờ trên đồng hồ.(CS111)		+ Nói được lịch, đồng hồ dùng để làm gì? + Nói được ngày trên lốc lịch (đọc ghép số) + Nói được giờ chẵn trên đồng hồ
4. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ giao tiếp		
Nghe hiểu lời nói		
MT 80: Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2 –3 hành động.(CS62)		- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Hiểu và thực hiện được những lời nói và chỉ dẫn của giáo viên. - Biểu hiện sự cố gắng quan sát, nghe và thực hiện các quy định chung trong chế độ sinh hoạt của lớp (giờ tay khi muốn nói, chờ đến lượt, trả lời câu hỏi, chăm chú lắng nghe...) <i>Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng anh</i> - Chú ý hiểu thông điệp, không ngắt lời người nói.

	- Mọi trẻ trai, gái đều có trách nhiệm khác nhau(Lời nói, cử chỉ, hành động...) để cho thấy mong muốn, nhu cầu, nguyện vọng và ý kiến của bản thân. - Hiểu và nói được các từ khái quát, từ trái nghĩa chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi sau khi được xem tranh, vật thật, mô hình... - Nghe và phân hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc trả lời ngắn gọn trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc khác bằng tiếng anh - Giải nghĩa được một số từ với sự giúp đỡ của người khác - Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi của người khác và biết sử dụng sắc thái đó vào lời nói của bản thân. - Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái ngữ điệu, lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đối, hò, vè phù hợp với độ tuổi - Xem sách, trò chuyện, lắng nghe và trao đổi phù hợp với người đối thoại. - Mọi trẻ trai, gái đều có quyền bày tỏ ý kiến với mọi người xung quanh về mọi sự vật, sự việc
MT 81: Trẻ hiểu một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.(CS 63)	
MT 82:Trẻ có khả năng nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi.(CS61)	
MT 83;Trẻ nghe hiểu nội dung truyện, thơ, đồng dao ca dao phù hợp với độ tuổi.(CS64)	
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
MT 84: Trẻ biết nói rõ ràng.(CS65)	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu - Kể rõ ràng, có trình tự về sự vật hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được

	- Trẻ được bày tỏ ý kiến theo cách hiểu của trẻ, sử dụng từ ngữ theo văn hóa của dân tộc hoặc của gia đình trẻ. - Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh - Trẻ thể hiện bằng các cách trong giao tiếp: Sử dụng đại từ nhân xưng, sử dụng từ, câu biểu thị lịch sự, lễ phép, lắng nghe, khởi xướng, luân phiên, điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống giao tiếp - Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.... - Sử dụng những từ thông dụng và các loại câu đơn, câu mở rộng để diễn đạt ý. <i>Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng anh</i>
MT85: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.(CS66)	
MT 83: Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp.(CS67)	
MT 87: Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.(CS68)	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Sử dụng ngôn ngữ tự diễn đạt cảm xúc của bản thân. - Tôn trọng cách truyền đạt ý, mối quan hệ
MT 88: Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.(CS69)	- Sử dụng lời nói để trao đổi những nhu cầu cần thiết trong cuộc sống và chỉ dẫn bạn bè trong các hoạt động.
MT 89: Trẻ biết chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp (CS74)	- Chăm chú nghe người khác nói, nhìn vào mắt khi giao tiếp. - Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ điệu bộ, nét mặt. - Lắng nghe người kể một cách chăm chú, phản ứng lại bằng những hành động thân thiện. Giơ tay khi muốn nói - Học cách lắng nghe chăm chú, tích cực, hợp tác, và phản hồi khi nghe

MT 90: Trẻ biết sử dụng các từ: chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống. (CS77)	- Sử dụng một số từ trong câu xã giao đơn giản để giao tiếp với bạn bè và người lớn. (Tạm biệt, xin chào...) lễ phép khi nói, mạnh dạn, không nó quá to hay lí nhí - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng <i>Nhắc lại, nói từ chỉ tên gọi, lời chào, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng anh</i>
MT 91: Trẻ có thể kể lại một hiện tượng, một sự kiện nào đó để người khác nghe hiểu được. (CS70)	- Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, hiện tượng nào đó theo trình tự logic nhất định - Kể một câu chuyện về sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh...
MT 92: Trẻ có thể kể lại nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định. (CS71)	- Kể lại truyện đã nghe theo trình tự
MT 93: Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện (CS72)	- Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người - Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác - Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau - Sử dụng ngôn ngữ nói để thiết lập mối quan hệ và hợp tác với bạn bè. - <i>Trẻ sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp bằng lời nói để xây dựng mối quan hệ với giáo viên và người lớn.</i>
MT 94 : Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp, (CS 73)	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
MT 95 : Trẻ biết hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói (CS 76)	- Có hành vi văn minh, lịch sự trong giao tiếp, hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói
MT 96: Trẻ biết kể chuyện theo tranh.. (CS85)	- Kể truyện theo đồ vật, theo tranh - <i>Xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động trong</i>

	phạm vi từ vựng được làm quen bằng tiếng anh - Học cách tranh biện về quyền của chính bản thân trẻ trong việc nghe đọc truyện, thơ, xem tranh ảnh để thấy được sự đa dạng và khác biệt ở hình dáng bên ngoài và sở thích. - Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện. - Đóng kịch - Đọc thơ, ca dao
MT 97: Trẻ có thể kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác nhau.(CS120)	
MT 98: Trẻ đóng được vai các nhân vật trong truyện	
MT 99: Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, bài ca dao	
Làm quen với việc đọc và viết	
MT 100: Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.(CS79)	- Thích đọc những chữ cái đã biết trong bảng chữ cái ở môi trường xung quanh.
MT 101: Trẻ thể hiện sự thích thú với sách(CS80)	- Xem sách và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách, bắt chước viết hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe. - Xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen bằng tiếng anh - Làm sách tranh, kể truyện sáng tạo, thể hiện mong muốn về một thế giới hòa bình, yêu thương tôn trọng lẫn nhau.
MT 102: Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.(CS81)	- Giữ gìn sách, bảo vệ sách
MT 103: Trẻ có thể nhận biết ý nghĩa một số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống.(CS82)	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (đồ dùng cá nhân, nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông....) - Nhận biết các nhân hàng hóa.
MT 104: Trẻ có một số hành vi như người đọc sách.(CS83)	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Chỉ tên các phần của sách ; Bìa, tranh minh họa, tên sách, tên

	tác giả... giờ, lật, đọc từng trang từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.
MT 105: Trẻ thích “Đọc” theo truyện tranh đã biết.(CS84)	- “Đọc” theo truyện tranh đã biết với nội dung chính phù hợp các tranh vẽ; giờ tranh khi hết nội dung truyện
MT 106: Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói.(CS86)	- Nhận dạng các chữ cái - Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu... để thay thế cho lời nói. - Trẻ hiểu rằng chữ viết có ý nghĩa và con người dùng chữ viết với nhiều mục đích khác nhau
MT 107: Trẻ biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.(CS87)	- Viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác. - Trẻ biết dùng, tạo ra và sao chép các ký hiệu, biểu tượng hoặc hình vẽ, ký tự có tính chất sáng tạo để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ của bản thân; - <i>Làm quen với 1-5 ký hiệu bằng tiếng Anh thông thường;</i>
MT 108: Trẻ thích bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái.(CS88)	- Tập tô, tập đồ các nét chữ - Sao chép một số ký hiệu, các chữ cái, sao chép các chữ cái tên của trẻ. - Bắt chước hành vi viết trong vui chơi và trong hoạt động hàng ngày.
MT 109: Trẻ biết “Viết” tên của bản thân theo cách của mình.(CS89)	- Trẻ biết ghép các chữ cái thành tên mình. - Nhận được tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ. - Sau khi vẽ tranh biết viết tên của mình phía dưới
MT 110: Trẻ biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.(CS90)	- Biết “viết” tên theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới; - Hướng viết của các nét chữ

MT 111: Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.(CS91)	- Nhận biết được chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và trong hoạt động hằng ngày. - Biết rằng mỗi chữ cái đều có tên, hình dạng khác nhau và cách phát âm riêng. - Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng các âm đó. - Phân biệt được sự khác nhau giữa chữ cái và chữ số.
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
Thể hiện ý thức về bản thân	
MT 112 :Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.(CS27)	- Địa chỉ nhà, số điện thoại của bố (mẹ) và gia đình - Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.
MT 113:Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.(CS28)	- Nhận biết, phân biệt trang phục phù hợp với giới tính - Trẻ phân biệt được giới tính một cách rõ ràng và biết cư xử phù hợp với giới tính của mình - Không phân biệt, đối xử với các bạn khác giới, các bạn có hoàn cảnh đặc biệt, các bạn có đặc điểm về ngoại hình khác với mình.
MT 114:Trẻ nói được khả năng và sở thích của bản thân.(CS29)	- Sở thích, khả năng của bản thân - Kể những việc mà mình có thể làm được, không làm được và giải thích được lý do. - bày tỏ được ý kiến về nhu cầu, mong muốn, điểm mạnh, sở thích của bản thân hoặc của người khác gần gũi với trẻ, liên quan tới quyền tham gia của trẻ.
MT 115:Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện ý thích riêng của bản thân.(CS30)	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động; - Nói hoặc lựa chọn được các trò chơi, hoạt động mà trẻ thích. - Trẻ chơi vui vẻ với tất cả các bạn và người khác(Không kể

	giới tính, đặc điểm các nhân, hoàn cảnh, nguồn gốc xuất thân.
- Trẻ thể hiện sự tự tin tự lực	
MT 116: Trẻ có gắng thực hiện công việc đến cùng. (CS31)	- Có gắng hoàn thành công việc được giao - Nhận công việc được giao mà không lưỡng lự.
MT 117 :Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc. (CS32)	- Thể hiện thái độ vui sướng, thích thú khi hoàn thành công việc (Khoe với người khác, ngắm nhìn kết quả đã làm được...)
MT 118: Trẻ biết chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày. (CS33)	- Thực hiện công việc được giao (Trục nhật xép, dọn đồ chơi)
MT 119: Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân. (CS34)	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	
MT 120: Trẻ nhận biết được các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác. (CS35)	- Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
MT 121: Trẻ biết bộc lộ trạng thái cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, nét mặt. (CS36)	- Bày tỏ cảm xúc phù hợp với người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Yêu thương bản thân, tự hào, trân trọng, về cơ thể của mình và của người khác
MT 122: Trẻ biết thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân bạn bè; (CS37)	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn bè và người thân. - Nhận ra tâm trạng của bạn bè, người thân (buồn hay vui) - Quyền được bảo vệ : Mọi trẻ em(không phân biệt giới tính, nguồn gốc xuất thân, thành phần dân tộc, hoàn cảnh cá nhân....) đều được đối xử công bằng và bình đẳng, được ghi nhận phẩm giá, những giá trị riêng của mỗi cá nhân.
MT 123: Trẻ biết thể hiện sự thích thú trước cái đẹp. (CS38)	- Nhận ra được cái đẹp.

	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát bản nhạc, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật... trẻ thích thú trước cái đẹp, - Chăm các con vật ăn và ngắm nhìn, vuốt ve các con vật quen thuộc và chăm sóc, bảo vệ cây cối. - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
MT124:Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật nuôi quen thuộc. (CS39)	
MT 125:Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.(CS40)	
MT 126:Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích (CS41)	Sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số sung đột ; Kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá với sự giúp đỡ của người lớn
MT 127;Trẻ dễ chủ động hòa đồng trong nhóm chơi.(CS42)	- Trong nhóm chơi để hoà đồng, dễ nhập cuộc, được mọi người tiếp nhận, chơi vui vẻ thoải mái
MT 128:Trẻ chủ động giao tiếp với bạn bè và người lớn gần gũi.(CS43)	- Chủ động đến nói chuyện giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi; - Sẵn lòng trả lời các câu hỏi - <i>Trẻ biết một số câu giao tiếp đơn giản bằng tiếng anh</i>
MT 129:Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi.(CS44)	- Biết chia sẻ cảm xúc vui, buồn...với bạn bè và người thân, chia sẻ kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi
MT130:Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp hoạn nạn khó khăn.(CS45)	- Yêu mến, quan tâm đến mọi người, sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn - Khi thấy bạn cần sự giúp đỡ, chủ động đến giúp đỡ bạn - Khi bạn hay người lớn yêu cầu sự giúp đỡ sẽ nhiệt tình đến giúp đỡ nhau. - <i>Biết xin lỗi, cảm ơn bằng tiếng anh</i>
MT 131:Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên.(CS46)	- Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau.
MT 132:Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt	- Biết xếp hàng, vui vẻ chờ đến lượt, không chen ngang, không

động.(CS47)	xô đẩy người khác, không tranh giành, không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
MT 133: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ(Chỗ ở, nơi làm việc)	- Kính yêu Bác Hồ - Thăm quan, trải nghiệm khu di tích nơi Bác Hồ dừng chân, đến thăm .
MT 134: Trẻ biết thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, kể chuyện... về Bác.	- Thể hiện tình cảm yêu quý, kính trọng Bác Hồ qua các bài hát, câu chuyện, bài thơ... về Bác
MT 135: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử như chùa Quỳnh Lâm, Khu di tích nhà Trần, Chùa Ngọa Vân... cảnh đẹp, lễ hội của địa phương, quê hương, đất nước - Trẻ biết một số di tích lễ hội nét văn hóa, tên gọi, đặc điểm nổi bật , của một số sản phẩm nông sản đặc trưng quê hương Kim Sơn(Cây ngô, dưa lê, con rươi, con cáy)
- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
MT 136: Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác.(CS48)	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng cử chỉ, lời nói lễ phép, lịch sự - <i>Học cách lắng nghe và tập bày tỏ ý kiến của bản thân trong các cuộc trao đổi / Thảo luận với người khác</i>
MT 137: Trao đổi ý kiến của mình với các bạn.(CS 49)	- Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn
MT 138: Trẻ biết thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè.(CS50)	- Chơi với bạn và nhường nhịn bạn trong khi chơi và học. - Biết dùng nhiều cách để giải quyết mâu thuẫn với bạn; - Không đánh bạn, không tranh giành đồ chơi, không la hét hoặc nằm ăn vạ;
MT 139: Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.(CS51)	- Tham gia vào vào việc tổ chức các sự kiện của nhóm. Nhận và thực hiện vai của mình trong các trò chơi cùng nhóm bạn. - Tôn trọng hợp tác chấp nhận, vui vẻ thực hiện nhiệm vụ.

MT 140: Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.(CS52)	- Cùng bạn làm các công việc đơn giản và có thể chủ động làm trước các công việc và rủ bạn làm theo. - Phối hợp với bạn để thực hiện và hoàn thành công việc vui vẻ không xảy ra mâu thuẫn.
MT 141: Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác(CS53)	- Có thái độ đúng đắn khi nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác - Hành vi văn minh trong trường, lớp, gia đình và nơi công cộng, hành vi sống và bảo vệ môi trường
MT142: Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn. (CS54)	- Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn - Biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà; Biết xin lỗi khi biết mình đã mắc lỗi - <i>Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn bằng tiếng anh</i>
MT 143: Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.(CS 55)	- Khi gặp khó khăn biết tìm sự hỗ trợ, biết sử dụng ngôn ngữ thích hợp để nhờ sự giúp đỡ của người khác. - Thể hiện sự hiểu biết khi nào thì cần nhờ sự giúp đỡ của người lớn
MT 144: Trẻ biết không nói leo, không ngắt lời người khác.(CS75)	- Chú ý khi nghe cô và bạn nói không ngắt lời người khác.
MT 145: Trẻ nói được khả năng, sở thích của bạn và người thân.(CS58)	- Thể hiện sự quan tâm tới người khác bằng cách nói đúng khả năng và sở thích của một số người gần gũi
MT 146: Trẻ chấp nhận sự khác biệt của người khác với mình.(CS59)	- Nhận ra và chấp nhận sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác - Không chê bai bạn bè. - <i>Học cách tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cơ thể, hình dáng...</i>
MT 147: Trẻ quan tâm đến sự công bằng trong nhóm	- Biết chia sẻ, nhường nhịn quan tâm đến sự công bằng trong

bạn.(CS60)	nhóm chơi - Đối sử công bằng với mọi trẻ trên cơ sở tôn trọng sự khác biệt
Quan tâm đến môi trường	
MT 148: Trẻ nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường.(CS56)	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi 'Đúng- sai' 'Tốt- Xấu' của con người với môi trường - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Tiết kiệm điện, nước.... - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Tôn trọng con người, sự vật và học cách sinh sống một cách hài hòa, bảo vệ hình dáng bên ngoài câu bant thân và người khác, kể cả người khuyết tật, người khác màu da, tóc, mắt.
MT 149: Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.(CS57)	
MT 150: Trẻ thực hiện một số qui định ở gia đình và nơi công cộng.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng - Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ - Trật tự khi ăn, khi ngủ - Đi bên phải lề đường
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật	
MT151: Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
MT 152: Trẻ nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc.(CS99)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - sử dụng bộ gõ cơ thể với những bản nhạc nước ngoài, dân ca - Chấp nhận sự dạng liên quan đến biểu hiện, sản phẩm văn hóa

MT 153: Trẻ thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.(CS101)	- Thể hiện cảm xúc, thái độ, tình cảm và vận động nhịp nhàng phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. - Trẻ tìm ra một cách để thể hiện cảm xúc và ý tưởng của mình. Tất cả các người khác đều phải học cách tôn trọng sở thích của nhau.
- Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	
MT 154:Hát đúng giai điệu, bài hát trẻ em.(CS 100)	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát
MT 155 :Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản.(CS102).	- Lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. - <i>Mỗi trẻ đều được khuyến khích để tạo ra các sản phẩm tạo hình theo khả năng và sự sáng tạo của trẻ</i>
MT 156: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục.
- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	
MT 157:Trẻ có thể đặt tên mới cho đồ vật, đặt lời mới cho bài hát).(CS117)	- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn) - <i>Trẻ biết đặt tên cho giai điệu bài hát , bản nhạc, nghĩ ra các câu chuyện và rủ bạn cùng diễn xuất ; làm phim hoạt hình với các nhân vật do chính các em tạo ra có nội dung liên quan đến QTE</i>
MT 158: Trẻ thể hiện ý tưởng của bản thân qua các hoạt động khác nhau(CS119)	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát bản nhạc yêu thích. - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - <i>Sử dụng bộ gõ cơ thể phù hợp văn hóa vùng miền khác nhau</i>

	- Mọi trẻ đều được khuyến khích để tạo ra các sản phẩm âm nhạc, nghệ thuật hình theo khả năng và sự sáng tạo của trẻ - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. - Trẻ nói được ý tưởng khi tạo ra sản phẩm tạo hình của mình, nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Đặt tên cho sản phẩm của mình - Mọi trẻ(không kể về giới tính, nguồn gốc, thành phần dân tộc....)đều có thể tham gia vào hoạt động nghệ thuật theo sở thích của bản thân và tạo ra sản phẩm nghệ thuật theo cảm nhận của riêng mình
MT 159: Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	
MT 160: Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm của mình (CS103)	

III. Mục tiêu, nội dung cho trẻ làm quen với tin học:

Mục tiêu	Nội dung
MTPT161 : Trẻ tham gia các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin	- Kỹ năng sử dụng máy tính trong chơi trò chơi
MT161.1: Trẻ phát triển những nhạy cảm về điều khiển và tính tự tin. Sử dụng máy tính như là một công cụ, học sinh có được một ý thức về sự hoàn thiện và kỹ năng khi chúng sáng tạo, chơi và học.	NGÔI NHÀ TOÁN HỌC CỦA Millie * To – Nhỏ - Vừa: So sánh và chọn cỡ. Thử ba cỡ giấy khác nhau cho 3 nhân vật. * Ngôi nhà chuột: Chọn hình, thiết lập trên khoảng trống hoặc theo một mẫu thiết kế. In và tô màu những gì được thiết kế. * Bing và Boing: Nhận biết/ xác định mẫu hình. Tạo và hoàn thành các mẫu hình đã được xem và nghe * Con số của tôi: Đếm, đọc số và tìm ra số của Dorothy * Con bọ: Nghe và xem số, và số lượng tương ứng. Đặt từ 1 đến 10 mắt, tai, vết đốm, ... lên con côn trùng. In và tô màu và

	thu lại thanh cho những con côn trùng được tạo ra. * Máy số : Nhận biết số. Xem & nghe những con vật được liệt kê (đếm) khi chúng vọt ra khỏi ngăn kéo. * Xưởng đồ chơi : Làm quen cách thiết kế đồ chơi và máy móc. Dựa theo bản mẫu hoặc tự thiết kế. Tô màu và in sản phẩm.
MT161.2: Trẻ biết khám phá thế giới khoa học xung quanh chúng qua Ngôi nhà khoa học của Sammy và biết thực hành phân loại, sắp xếp, quan sát, dự đoán, và xây dựng. Trẻ biết xây dựng các trò chơi và máy móc để đọc và in một “Sổ ghi chép” những thông tin thú vị về các con vật.	NGÔI NHÀ KHOA HỌC CỦA SAMMY * Trạm phân loại : Phân loại các bức tranh theo đúng chủng loại với sự giúp đỡ của các thùng đựng. Nghe tên của các con vật của các con vật, cây cối và các loại đá. * Tạo ra một bộ phim : Sắp xếp các bức tranh theo đúng thứ tự để tạo một bộ phim. Xem bộ phim theo chiều xuôi hoặc chiều ngược * Ao thiên nhiên bốn mùa : Khám phá động thực vật khi chúng thích ứng với sự thay đổi các mùa. * Máy tạo thời tiết : Vận dụng các yếu tố thời tiết khác nhau. Nghe dự báo và xem hình minh họa thời tiết mà bạn vừa tạo. * Xưởng đồ chơi : Thiết kế đồ chơi và máy móc. Dựa theo bản mẫu hoặc tự thiết kế. Tô màu và in sản phẩm.
MT161.3: Trẻ biết khám phá và tự do tìm tòi và định hướng trong không gian và thời gian, xác định được các phương hướng qua các căn phòng: Anh em nhà đồng hồ, Hộp cát biểu tượng, Truy tìm hạt mứt đậu. - Biết được mối quan hệ giữa trái đất, quả địa cầu và bản đồ thế giới qua căn phòng: Thám hiểm trái đất	NGÔI NHÀ KHÔNG GIAN VÀ THỜI GIAN CỦA TRUDY * Anh em nhà đồng hồ : Gặp gỡ đồng hồ điện tử Anna2 đồng hồ Đan. Học cách nói về thời gian trên hai loại đồng hồ bằng giờ, nửa giờ và một phần tư giờ * Đồng hồ lịch : Học về đơn vị thời gian khi bạn di chuyển tiến lùi hình minh họa bằng tháng, ngày, giờ, phút, giây * Hộp cát biểu tượng : Đặt các biểu tượng lên bản đồ hộp cát

rồi quan sát các quả đồi, đường đi, các hồ và thành phố mọc lên trước mắt bạn

* **Truy tìm hạt mứt đậu** : Học để sử dụng các phương hướng chính bằng cách điều khiển chú kiến hầu ăn sang trái, phải, về trước hoặc tiến sang phía nam, bắc, đông, tây

* **Thám hiểm trái đất** : Khám phá mối quan hệ giữa trái đất, quả địa cầu và bản đồ thế giới. Chụp ảnh những địa danh bạn thích. In ảnh để tô màu

* **Các khối cầu Blox bay** : Giúp phối hợp âm nhạc, sự khéo léo, kiến thức và kỹ năng sử dụng khi bạn thao tác với các chuyển động và ảo giác về chiều sâu. Tạo ra hiệu quả về hình ảnh độc nhất để trình diện các loại âm nhạc khác nhau.

* **Oranga Banga** : phân biệt âm thanh, sáng tạo âm thanh nhớ khi bạn sáng tác hoặc nhắc lại các mẫu âm thanh với các công cụ khác nhau.

+ **Toony Loon** : Sáng tạo âm thanh, phân biệt cao độ của âm thanh, nhắc lại các mẫu âm thanh với các cao độ khác nhau

* **Anh em nhà đồng hồ** : Làm quen với đồng hồ điện tử Annva2 đồng hồ Dan. Học cách nói về thời gian trên hai loại đồng hồ bằng giờ, nửa giờ và một phần tư giờ

+ **Các bạn chim** : Tìm ra quy luật và tạo một bạn chim

* **Các hình khối Blox bay** : Tìm hiểu các quan hệ về không gian. Điều khiển chuyển động của các hình âm thanh

MT161.4: Trẻ nhận biết mặt chữ cái, qua đó biết được cách viết các chữ số.

Trẻ biết sáng tạo trong việc sử dụng trò chơi tạo thiệp chúc mừng ông, bà, cha, mẹ, thầy cô giáo...

Trẻ tiếp cận và thích ứng nhanh với ngôn ngữ tiếng Việt thông qua máy tính. Chương trình trực quan, hấp dẫn, tương tác với bé

PHẦN MỀM HAPPY KID

- + Làm quen với chữ cái
- + Tập tô chữ
- + Nhóm chữ cái
- + Người bạn ngộ nghĩnh
- + Tập kể truyện
- + Làm bưu thiếp

Làm quen chữ cái: Phần này bao gồm 29 chữ cái tiếng Việt và các hình ảnh, âm thanh minh họa từng chữ cái trong mỗi câu ví dụ, qua đó trẻ có thể kiểm tra lại các chữ mà mình đã được học.
Tập tô chữ: Cách tô 29 chữ cái tiếng Việt với âm thanh hình ảnh tương ứng.

Nhóm chữ cái: Gồm 12 nhóm chữ cái mà trẻ được học

III. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch:

*Thuận lợi:

+ Mục tiêu:

.....

.....

.....

.....

.....

+ Nội dung

.....
.....
.....
.....
.....

+ Điều kiện thực hiện:

.....
.....
.....
.....
.....

.....

*Khó khăn

+ Mục tiêu:

.....
.....
.....
.....
.....

+ Nội dung

.....

.....

.....

.....

.....

+ Điều kiện thực hiện:

.....

.....

.....

.....

.....

+ Nguyên nhân:

.....

.....

.....

.....

.....

III. Dự kiến kế hoạch chủ đề và thời gian thực hiện :

Stt	Tên chủ đề	Tuần	Chủ đề nhánh	Thời gian thực hiện	Gv thực hiện	Các sự kiện
HỌC KỲ I (Thời gian từ 05/09/2024 đến 10/01/2025)						
1	Trường mầm non hạnh phúc Từ 05/09/2024 đến 04/10/2024 (4 tuần)	Tuần 1	Ngày hội đến trường	Từ ngày 05/9 đến 13/9/2024	Bùi Thị Huệ	Ngày Quốc Khánh 02/9 – Khai giảng ; Tết trung thu
		Tuần 2	Tết trung thu	Từ ngày 16/9 đến 20/9/2024	Trần Thanh Huyền	
		Tuần 3	Trường mầm non Kim son của bé	Từ ngày 23/9 đến 27/9/2024	Bùi Thị Huệ	
		Tuần 4	Lớp học thân yêu của bé	Từ ngày 30/9 đến 04/10/2024	Trần Thanh Huyền	
2	Bản thân Từ 07 /10/2024 đến 25/10/2024 (3 tuần)	Tuần 5	Khám phá cơ thể bé	Từ 07/10/2024 đến 11/10/2024	Bùi Thị Huệ	Ngày PNVN 20/10
		Tuần 6	Những người phụ nữ bé yêu.	Từ 14/10/2024 đến 18/10/2024	Trần Thanh Huyền	
		Tuần 7	Bé cần gì lớn lên và khỏe mạnh	Từ 21/10/2024 đến 25/10/2024	Bùi Thị Huệ	
3	Gia đình	Tuần 8	Gia đình của bé	Từ 28/10/2024 đến 01/11/2024	Trần Thanh Huyền	

4	Từ 28/10/2024 đến 15/11/2024 (3 tuần)	Tuần 9:	Họ hàng trong gia đình	Từ 04/11/2024 đến 08/11/2024	Bùi Thị Huệ	Ngày nhà giáo VN 20/11
		Tuần 10:	Đồ dùng gia đình	Từ 11/11/2024 đến 15/11/2024	Trần Thanh Huyền	
	Nghề nghiệp Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 13/12/2024 (4 tuần)	Tuần 11:	Nghề giáo viên	Từ 18/11/2024 đến 22/11/2024	Bùi Thị Huệ	Ngày TLQĐNDVN 22/12
		Tuần 12:	Nghề sản xuất	Từ 25/11/2024 đến 29/11/2024	Trần Thanh Huyền	
		Tuần 13:	Nghề dịch vụ	Từ 2/12/2024 đến 06/12/2024	Bùi Thị Huệ	
		Tuần 14:	Nghề truyền thông của địa phương Kim Sơn	Từ ngày 09/12/2024 đến 13/12/2024	Trần Thanh Huyền	
	Thế giới thực vật Từ 16/12/2024 đến 10/01/2025 (4 tuần)	Tuần 15:	Bé yêu cây xanh	Từ 16/12/2024 đến 20/12/2024	Bùi Thị Huệ	
		Tuần 16:	Khám phá về các loại hoa	Từ 23/12/2024 đến 27/12/2024	Trần Thanh Huyền	
		Tuần 17:	Nông trại rau – củ	Từ 30/12/2024 đến 03/1/2025	Bùi Thị Huệ	
		Tuần 18:	Các loại quả bé thích	Từ 06/01/2025 đến 10/01/2025	Trần Thanh Huyền	

HỌC KỲ II (Thời gian từ 13/01/2025 đến 23/05/2025)						
6	Tết và mùa xuân Từ 13/01/2025 đến 24/01/2025 (2 tuần)	Tuần 19 :	Ngày tết quê em	Từ 13/01/2025 đến 17/01/2025	Bùi Thị Huệ	Ngày quốc tế phụ nữ 8/3
		Tuần 20 :	Mùa xuân và tết trồng cây	Từ 20/01/2025 đến 24/01/2025)	Trần Thanh Huyền	
		Tuần 21	Động vật quanh bé (Bò sát, cá, chim, lưỡng cư)	Từ 10/02/2025 đến 14/02/2025)	Bùi Thị Huệ	
7	Thế giới động vật Từ 10/02/2025 đến 07/03/2025 (4 tuần)	Tuần 22	Thế giới côn trùng	Từ 17/02/2025 đến 21/02/2025)	Trần Thanh Huyền	
		Tuần 23	Muôn thú quanh ta	Từ 24/02/2025 đến 28/02/2025)	Bùi Thị Huệ	
		Tuần 24	Ngày hội 8/3	Từ 03/03/2025 đến 07/03/2025)	Trần Thanh Huyền	
NGHỈ TẾT NGUYỄN ĐÁN Thời gian nghỉ từ 05/02/2024 đến hết ngày 17/02/2024						
8	Nước – Các hiện tượng tự	Tuần 25:	Nước	Từ 10/03/2025 đến 14/3/2025	Bùi Thị Huệ	

	nhiên Từ 10/03/2025 đến 21/03/2025 (2 tuần)	Tuần 26 :	Các hiện tượng tự nhiên	Từ 17/3/2025 đến 21/03/2025	Trần Thanh Huyền	
9	Giao thông Từ 24/03/2025 đến 18/04/2024 (4 tuần)	Tuần 27:	Một số quy định an toàn giao thông	Từ 24/03/2025 đến 28/03/2025	Bùi Thị Huệ	
		Tuần 28:	Phương tiện giao thông đường bộ	Từ 31/03/2025 đến 04/04/2025	Trần Thanh Huyền	
		Tuần 29:	Phương tiện giao thông đường thủy	Từ 07/04/2025 đến 11/04/2025	Bùi Thị Huệ	
		Tuần 30:	Phương tiện giao thông đường sắt, đường hàng không	Từ ngày 14/04/2025 đến 18/04/2025	Trần Thanh Huyền	
10	Quê hương – Đất nước – Bác Hồ Từ 21/04/2025 đến 09/05/2025 (3 tuần)	Tuần 31 :	Đồng Triều quê hương em	Từ 21/4/2025 đến 25/4/2025	Bùi Thị Huệ	Ngày GPMN 30/4 và QTLĐ 1/5
11	Trường tiểu	Tuần 32:	Quảng Ninh thân yêu	Từ 28/04/2025 đến 2/05/2025	Trần Thanh Huyền	
		Tuần 33:	Bác Hồ Kính yêu	Từ 05/05/2025 đến 9/05/2025	Bùi Thị Huệ	
		Tuần 34 :	Trường tiểu học Kim Sơn	Từ 12/5/2025 đến 16/5/2025	Trần Thanh Huyền	Ngày sinh nhật

học	Tuần 35 :	Bé chuẩn bị vào lớp 1	Từ 19/5/2025 đến 23/5/2025	Bùi Thị Huệ	Bác 19/05
Từ 12/05/2025 đến 23/05/2025					
2 tuần					
Tổng			35 tuần – 11 chủ đề		

Xác nhận của nhà trường

Phó hiệu trưởng



Vũ Thị Hồng Thanh

Xác nhận của tổ CM

Tổ trưởng

Trần Thanh Huyền

Giáo viên thực hiện

Kế hoạch

Trần Thanh Huyền – Bùi Thị Huệ